

Bản án số: 344/2021/HS-PT  
Ngày: 06-7-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Thịnh

*Các thẩm phán:*

Ông Lê Thành Văn

Ông Phạm Công Mười

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 596/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Hà Ngọc L và Nguyễn Thị Ngân G.

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Hà Ngọc L**, sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú:, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không (Nguyên kế toán Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H, sinh năm 1930 và bà Từ Thị N, sinh năm 1944; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 13/01/2015, bị cáo chưa chấp hành xong bản án; năm 2019, bị Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2019/HSST ngày 01/11/2019, bị cáo kháng cáo, đến ngày 11/5/2020, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm, xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2020/HS-PT; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay, bị cáo được dẫn giải đến phiên tòa nhưng từ chối tham gia phiên tòa vì cho rằng bị mệt và đau bụng.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngân G**, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1952 và bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1957; bị cáo có chồng tên Dương Tấn T, sinh năm 1980 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Ngọc L:* Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngân G:* Luật sư Trương Quốc H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Bình P. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền số 312/SKH-CN-VP ngày 29/4/2020), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thượng Văn H, sinh năm 1956. Địa chỉ: tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1957. Địa chỉ: tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Bình P. Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền số 2157/UBND-VX ngày 06/5/2020), có mặt.

4. Ông Dương Tấn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 919 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương (Sau đây viết là Sở KHCN) là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Giám đốc Sở KHCN phân công cho bộ phận Văn phòng được mua, quản lý, cấp phát vật tư và văn phòng phẩm cho các phòng, ban, quản lý chung về tài sản của cơ quan, theo dõi, sửa chữa thiết bị, máy móc bị hư hỏng.

Bị cáo Hà Ngọc L là chuyên viên của Sở KHCN (từ ngày 01 tháng 5 năm 2009), ngày 15 tháng 6 năm 2009 được phân công công tác tại Phòng Kế hoạch - T chính, có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục thanh toán nội bộ, kho bạc, quyết toán các khoản theo quy định, không có nhiệm vụ mua văn phòng phẩm, theo dõi, sửa chữa thiết bị. Sau khi mua sắm các loại văn phòng phẩm, sửa chữa máy móc, thiết bị, bộ phận Văn phòng chuyển các chứng từ liên quan cho bị cáo L để làm các thủ tục rút dự toán ngân sách trình lãnh đạo Sở KHCN ký duyệt để chuyển tiền thanh toán cho bên bán.

Bị cáo L quen biết bị cáo Nguyễn Thị Ngân G là chủ cửa hàng Văn phòng phẩm và Thiết bị tin học T&G (Sau đây viết là Cửa hàng T&G) ở số 919 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Từ ngày 24 tháng 8 năm 2009 đến ngày 13 tháng 3 năm 2012, bị cáo L lập 38 giấy rút dự toán ngân sách thanh toán cho 47 hóa đơn mua, bán hàng hóa giữa Cửa hàng T&G và Sở KHCN, trình ông Thượng Văn H là Giám đốc Sở KHCN và ông Ngô Văn D là Phó Giám đốc Sở KHCN phụ trách Phòng Kế hoạch - T chính ký duyệt (Ông H ký 10 giấy với tổng số tiền 151.444.000 đồng. Ông D ký 28 giấy với tổng số tiền 366.723.361 đồng), rút từ tài khoản tiền gửi của Sở KHCN mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo G (tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Dương) và chiếm đoạt tổng cộng 518.167.361 đồng. Thủ đoạn của bị cáo L như sau:

Khi bị cáo L yêu cầu, bị cáo G giao văn phòng phẩm cho bị cáo L tại Cửa hàng T&G hoặc chỉ đạo nhân viên là ông Trần Hiền Nhơn mang hàng đến trước cổng Sở KHCN giao cho bị cáo L (các lần giao, nhận hàng đều không lập biên bản). Sau đó, G viết hóa đơn hoặc chỉ đạo nhân viên cửa hàng là bà Phạm Thị Kim Tuyền và bà Tăng Cẩm Dung viết hóa đơn với nội dung bán hàng cho Sở KHCN giao cho bị cáo L. Bị cáo L đã nhận từ Cửa hàng T&G số hàng trong 43

hóa đơn mua, bán giấy, bút, bìa, mực in, kẹp giấy... với tổng giá trị 496.076.361 đồng nhưng không đem sổ hàng này vào Sổ KHCN. Bị cáo G sử dụng hết 496.076.361 đồng nhận được nhưng không biết hàng hóa bị cáo L có đem về Sổ KHCN hay không.

Trong 43 hóa đơn nói trên, bị cáo L yêu cầu bị cáo G ghi tăng lượng mua mực máy in của 03 hóa đơn với giá trị tăng thêm 3.871.000 đồng (Hóa đơn số 0096636 ngày 10 tháng 12 năm 2009 giá trị tăng thêm 1.200.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngày 14 tháng 12 năm 2009; hóa đơn số 0026801 ngày 30 tháng 12 năm 2010 giá trị tăng thêm 1.306.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngày 30 tháng 12 năm 2010; hóa đơn số 0032812 ngày 09 tháng 8 năm 2011 giá trị tăng thêm 1.365.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngày 09 tháng 9 năm 2011).

Ngoài ra, bị cáo L còn yêu cầu bị cáo G ghi không 04 hóa đơn (xuất hóa đơn nhưng không bán hàng) có nội dung thay thế linh kiện máy tính (main board) với giá trị 18.220.000 đồng (Hóa đơn số 0059909 ngày 19 tháng 11 năm 2010 trị giá 4.650.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngân sách ngày 22 tháng 11 năm 2010; hóa đơn số 0059943 ngày 07 tháng 12 năm 2010 trị giá 4.800.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngân sách ngày 07 tháng 12 năm 2010; hóa đơn số 0026847 ngày 28 tháng 02 năm 2011 trị giá 4.650.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngân sách ngày 01 tháng 3 năm 2011; hóa đơn số 0010855 ngày 22 tháng 9 năm 2011 trị giá 4.120.000 đồng, lập giấy rút dự toán ngân sách ngày 23 tháng 9 năm 2011). Tổng cộng hai khoản tiền là 22.091.000 đồng, bị cáo G rút từ tài khoản đưa cho bị cáo L. Quá trình điều tra, bị cáo G khai biết việc giúp bị cáo L rút số tiền trên của Sổ KHCN là vi phạm pháp luật, nhưng do nể nang nên vẫn thực hiện theo yêu cầu của bị cáo L.

Ngày 11 tháng 6 năm 2012, Sổ KHCN ban hành Quyết định số 147/QĐ-SKHCN về việc thanh tra công tác hành chính Khối Văn phòng. Đoàn thanh tra phát hiện vi phạm của bị cáo L nên ngày 22 tháng 3 năm 2013 Sổ KHCN đã trình báo nội dung vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra, ông H và ông D chủ động nộp 518.167.361 đồng cho Sổ KHCN (Ông H và ông D không có yêu cầu gì đối với bị cáo L). Bị cáo G nộp 22.091.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định số 843/GĐ-PC54 ngày 15 tháng 7 năm 2013, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký mang tên Hà Ngọc L trên 38 “Giấy rút dự toán ngân sách” so với chữ ký của bị cáo Hà Ngọc L là do cùng một người ký ra; chữ ký mang tên Nguyễn Thị Ngân G trên 04 “Giấy lĩnh tiền mặt” và trên 06 “Giấy lĩnh tiền” do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Dương cung cấp so với chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị Ngân G là cùng một người ký ra.

Trong 38 giấy rút dự toán ngân sách mà bị cáo L trình, ông H ký 10 giấy (tổng số tiền 151.444.000 đồng), ông D ký 28 giấy (tổng số tiền 366.723.361 đồng). Ông H và ông D cho rằng do tin tưởng bị cáo L nên tH sự kiểm tra, giám sát để bị cáo L chiếm đoạt 518.167.361 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Dương xác định: Mặc dù ông H và ông D tH kiểm tra khi ký các giấy rút dự toán ngân sách do bị cáo L trình nhưng khi phát hiện sự việc, ông H và ông D đã kịp thời trình báo, tích cực phối hợp để điều tra vụ án và chủ động nộp 518.167.361 đồng cho Sở KHCN nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Căn cứ vào Điểm a khoản 3 Điều 353; Điều 17, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hà Ngọc L;

Điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 46, Điều 47; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngân G;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hà Ngọc L và Nguyễn Thị Ngân G phạm tội Tham ô tài sản.

- Xử phạt bị cáo Hà Ngọc L 15 (mười lăm) năm tù. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2020/HS-PT ngày 11/5/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 24 (hai mươi bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngân G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, các biện pháp tư pháp, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật và kiến nghị Tòa án Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét trách nhiệm của ông Thượng Vă H và Ngô Văn D.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/6/2020 bị cáo Hà Ngọc L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Thị Ngân G kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 15/10/2020 Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 56/QĐ/VCC3-V1 đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm và người phạm tội đối với ông D và ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Hà Ngọc L được dẫn giải đến phiên tòa nhưng bị cáo từ chối tham gia phiên tòa vì cho rằng bị đau bụng và mệt không đủ sức khỏe tham gia phiên tòa. Cảnh sát tư pháp báo cáo cho Hội đồng xét xử biết trước khi dẫn giải bị cáo L đến phiên tòa, bộ phận y tế đã kiểm tra sức khỏe cho bị cáo và kết luận sức khỏe của bị cáo bình thường, trong quá trình giam giữ cũng không có biểu hiện gì, đủ điều kiện tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị: vụ án này đã bị hoãn nhiều lần, tại các phiên tòa trước bị cáo L đã từ chối Luật sư chỉ định và đề nghị hoãn phiên tòa để bị cáo thuê Luật sư, nhưng sau khi hoãn phiên tòa bị cáo không thuê Luật sư bào chữa cho mình, tại phiên tòa hôm nay bị cáo lại cho rằng bị đau bụng và mệt để nhằm mục đích kéo dài, hoãn phiên tòa. Xét trước khi dẫn giải đến phiên tòa bị cáo đã được kiểm tra sức khỏe bình thường, hơn nữa bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Luật sư cũng đã tiếp cận bị cáo ở dưới xe chở phạm và đề nghị bị cáo phối hợp với cơ quan chức năng để mở phiên tòa nhưng bị cáo không đồng ý xét xử vì cho rằng sức khỏe kém, đau bụng nên yêu cầu hoãn phiên tòa. Do phiên tòa đã bị hoãn nhiều lần, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm án, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị cáo L.

Hội đồng xét xử phúc thẩm vào phòng nghị án thảo luận và quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Hà Ngọc L

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 56/QĐ/VCC3-V1 ngày 15/10/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngân G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo vì bị cáo phạm tội do nể nang, bị cáo không được hưởng lợi gì, bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền để khắc phục hậu quả. Hiện nay bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn chồng, đang nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo, bị hại, người liên quan và những người làm chứng thì có đủ cơ sở kết luận từ 24/8/2009 đến ngày 13/3/2012 bị cáo L đã lập 38 giấy rút dự toán Ngân sách thanh toán cho 47 hóa đơn mua, bán hàng hóa giữa Cửa hàng T&G và Sở KHCN, trình ông Thượng Văn H là Giám đốc Sở KHCN và ông Ngô Văn D là Phó Giám đốc sở KHCN phụ trách Phòng Kế hoạch - T chính ký duyệt, rút từ tài khoản tiền gửi của Sở KHCN mở tại Kho

bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, chuyển vào tài khoản của bị cáo G (tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Dương) và chiếm đoạt tổng cộng 518.167.361 đồng. Bị cáo L nhận từ Cửa hàng T&G số hàng trong 43 hóa đơn mua, bán giấy, bút, bìa, mực in, kẹp giấy... tổng giá trị 496.076.361 đồng nhưng không đem về Sở HKCN. Trong 43 hóa đơn nói trên, L yêu cầu ghi tăng lượng mua mực in của 03 hóa đơn với giá trị tăng thêm 3.871.000 đồng. Đồng thời L yêu cầu G ghi khống 04 hóa đơn trị giá 18.220.000 đồng. G biết rõ việc ghi tăng thêm và ghi khống các hóa đơn bán hàng là vi phạm pháp luật nhưng vì nể nang nên vẫn thực hiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội Tham ô tài sản, trong đó bị cáo L bị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353, bị cáo G bị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với các ông Thượng Văn H - Giám đốc Sở KHCN, ông Ngô Văn D - Phó Giám đốc Sở KHCN phụ trách Phòng Kế hoạch - T chính đã tH kiểm tra và tin tưởng vào nhân viên của mình nên các ông đã ký các giấy rút dự toán ngân sách để thanh toán cho cửa hàng văn phòng phẩm và thiết bị tin học T&G do bị cáo L trình ký, tạo điều kiện cho bị cáo L thực hiện hành vi tham ô tài sản. Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương để điều tra, truy tố xét xử lại. Do đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên kháng cáo của các bị cáo chưa được xem xét.

Ông Thượng Văn H trình bày: sở khoa học lúc đó kế toán bị tH, cô L từ chỗ khác chuyển về, chứng từ kế toán rất là nhiều không thể kiểm tra hết được, khi phát hiện được thì cơ quan đã chuyển qua điều tra để làm rõ xử lý.

Ông Ngô Văn D trình bày: cô L trình ký rất nhiều hồ sơ lúc lãnh đạo đang gấp và họp nên không thể kiểm tra xuê, chứ hoàn toàn không có tư lợi gì trong việc này, nếu biết sai trái là không bao giờ ký các chứng từ này.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Ngọc L phát biểu: Thống nhất về tội danh như án sơ thẩm đã tuyên, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh của bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngân G phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để xem xét trách nhiệm của ông H và ông D, vì vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Đối với bị cáo G, phạm tội với vai trò đồng phạm, không hưởng lợi từ số tiền bị cáo L tham ô, sau khi vụ án bị phát hiện thì bị cáo G đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để vụ án được giải quyết nhanh chóng. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo L

chiếm đoạt, hoàn cảnh bị cáo khó khăn, ly hôn chồng và một mình nuôi con. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L và Nguyễn Thị Ngân G, cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng về hình thức, nội dung và kháng cáo được nộp trong hạn luật định, kháng nghị đúng hạn nên kháng cáo, kháng nghị được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Ngân G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội cải tại ngoài xã hội. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo Hà Ngọc L cho rằng bị cáo là người phụ trách công tác kế toán của Sở KHCN tỉnh Bình Dương từ giữa năm 2009 đến đầu năm 2012, mặc dù vậy bị cáo hoàn toàn không biết những quy định trong quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan; bị cáo không biết ai là người có trách nhiệm mua, quản lý, cấp phát văn phòng phẩm của đơn vị. Bị cáo chỉ biết làm theo chỉ đạo của Ban giám đốc cụ thể là theo chỉ đạo của ông Thượng Văn H và ông Ngô Văn D, khi ông H và ông D yêu cầu thì bị cáo liên hệ với bị cáo G mua văn phòng phẩm, thiết bị sửa chữa máy vi tính, máy in sau đó mang tài sản về Sở KHCN, nhận hóa đơn và bị cáo thực hiện việc thanh quyết toán đúng quy định của pháp luật. Mỗi lần mua văn phòng phẩm, thiết bị bị cáo là người trực tiếp mua, nhận tài sản và mang vào Sở KHCN để tại một căn phòng không có người quản lý (phòng để đồ vật linh tinh) và có thông báo miệng với Ban lãnh đạo, số lượng văn phòng phẩm, thiết bị này có ai sử dụng không, sử dụng như thế nào bị cáo L hoàn toàn không biết. Bị cáo xác định mọi việc làm của bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Xét lời trình bày nêu trên của bị cáo L là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ theo lời khai của ông Thượng Văn H - Giám đốc Sở KHCN, ông Ngô Văn D - Phó giám đốc Sở KHCN, ông Lê Vương Duy - Chánh văn phòng sở KHCN xác định: Không có sự việc ban giám đốc sở khoa học công nghệ phân công cho bị cáo L mua văn phòng phẩm, thiết bị. Việc mua sắm này tại Sở KHCN được thực hiện chặt chẽ thông qua bộ phận Văn phòng, khi các phòng ban có nhu cầu về văn phòng phẩm thì lãnh đạo phòng ban phải có văn bản đề xuất, được lãnh

đạo duyệt và giao cho cán bộ của văn phòng mua sau đó về cấp phát theo văn bản đề xuất. Văn phòng giao nhiệm vụ mua sắm, quản lý, cấp phát văn phòng phẩm cho bà Hoàng Thị Hòa; nhiệm vụ theo dõi, sửa chữa máy móc, thiết bị giao cho ông Nguyễn Minh Thông, việc phân công trách nhiệm có quyết định bằng văn bản. Bị cáo L không được phân công nhiệm vụ gì liên quan đến vấn đề nêu trên. Quy trình mua văn phòng phẩm và sửa chữa máy các loại cũng có quy định cụ thể, việc mua văn phòng phẩm được thực hiện hai lần trong một năm, các bộ phận có nhu cầu mua văn phòng phẩm phải được lãnh đạo phòng ban đề xuất bằng văn bản sau đó được lãnh đạo duyệt, căn cứ vào số lượng, loại văn phòng phẩm thì bà Hòa là người trực tiếp mua mang về và cấp phát cho các bộ phận đúng theo đề xuất, việc cấp phát có ký giao nhận đúng quy định. Đối với việc sửa chữa máy, bộ phận nào hư hỏng máy thì báo với Văn phòng, cụ thể là ông Nguyễn Minh Thông và Văn phòng sẽ thông báo cho đơn vị bán máy đến khảo sát, sửa chữa, báo giá nếu phải thay mới thiết bị. Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2012 Sở KHCN chỉ mua văn phòng phẩm tại cửa hàng Minh Quân và sửa chữa máy tại cửa hàng Gia Phát, việc mua sắm nêu trên không giao cho bị cáo L và Văn phòng cũng không nhận văn phòng phẩm từ bị cáo L.

[4] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 24 tháng 8 năm 2009 đến ngày 13 tháng 3 năm 2012, bị cáo L đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán Sở KHCN, được giao nhiệm vụ thanh toán, quyết toán các nguồn chi từ Ngân sách Nhà nước được giao cho đơn vị quản lý, sử dụng. Trong thời gian này, tuy không được phân công mua văn phòng phẩm của Sở KHCN nhưng bị cáo L đã tự ý mua văn phòng phẩm tại cửa hàng T&G, với tổng 47 hóa đơn, trong đó có 03 hóa đơn bị cáo L nhờ bị cáo G ghi tăng giá trị của mỗi hóa đơn là 01 hộp mực máy in với giá trị tăng thêm 3.871.000 đồng; 04 hóa đơn bị cáo L nhờ bị cáo G ghi không có nội dung thay thế linh kiện máy tính (main board) với giá trị 18.220.000 đồng, rồi lập 38 giấy rút dự toán ngân sách thanh toán cho 47 hóa đơn nêu trên, trình lãnh đạo Sở KHCN ký giấy rút dự toán ngân sách, rút tiền từ tài khoản tiền gửi của Sở KHCN mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo G tổng số tiền 518.167.361 đồng; trong đó số tiền 22.091.000 đồng (xuất theo 03 hóa đơn ghi tăng thêm và 04 hóa đơn ghi không) bị cáo G rút tiền mặt giao lại cho bị cáo L.

[5] Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Ngọc L là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tiền của cơ quan Nhà nước mà mình có trách nhiệm quản lý, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây mất lòng tin của Nhân dân đối với cơ quan Nhà nước. Bị

cáo Nguyễn Thị Ngân G tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho L chiếm đoạt 22.091.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Hà Ngọc L, Nguyễn Thị Ngân G phạm tội “Tham ô tài sản” theo Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, trong đó bị cáo L bị áp dụng tình tiết định khung là “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 353; bị cáo Nguyễn Thị Ngân G bị áp dụng tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, thấy rằng: theo quy định về việc ký duyệt chứng từ kế toán mua sắm văn phòng phẩm và thiết bị tin học của Sở KHCN thì khi trình ký chứng từ - Giấy rút dự toán ngân sách là phải kèm theo hóa đơn, giấy đề xuất mua sắm của các phòng, ban có nhu cầu mua sắm, giấy giao nhận hàng, đề xuất thanh toán kèm theo nhưng ông Thượng Văn H - Giám đốc Sở KHCN và ông Ngô Văn D - Phó Giám đốc Sở KHCN, phụ trách Phòng Kế hoạch – T chính do tin tưởng Hà Ngọc L nên khi L trình ký đã không kiểm tra hồ sơ, chứng từ có đúng quy định hay chưa nên đã ký duyệt 38 giấy rút dự toán ngân sách tạo điều kiện cho Hà Ngọc L chiếm đoạt tiền của ngân sách Nhà nước là 518.167.361 đồng. Hành vi nêu trên của ông H và ông D có dấu hiệu của tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Thượng Văn H và Ngô Văn D là có căn cứ. Tuy nhiên, xét vào ngày 13/8/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Dương để xem xét trách nhiệm hình sự của ông Thượng Văn H và ông Ngô Văn D về hành vi “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự nhưng Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông D, ông H. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà tiếp tục kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương và Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H và ông D theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Ngọc L và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngân G, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[7.1] Đối với bị cáo Hà Ngọc L: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo L là kẻ có vai trò chính, là kẻ chủ mưu, bị cáo có nhân thân xấu,

năm 2015 bị Tòa án thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 15.000.000 đồng về tội đánh bạc, năm 2020 bị Tòa án tỉnh Bình Dương xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điều đó chứng tỏ bị cáo là kẻ khó giáo dục cải tạo. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo chưa thành khẩn, không ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L mức án 15 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào, vì vậy không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo L.

[7.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngân G: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm do nỗ lực, không hưởng lợi từ số tiền bị cáo L chiếm đoạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: bản thân chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn, đang nuôi con. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và đối chọi với các quy định của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, bị cáo đủ điều kiện được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo G, cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giáo dục của chính quyền địa phương là thể hiện sự khoan hồng, nhân văn của pháp luật Xã hội Chủ nghĩa.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo L đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo G đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo L phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngân G không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;**

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Ngọc L.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Hà Ngọc L.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; Điều 17; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc L 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 09 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2020/HS-PT ngày 11/5/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Hà Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung là 24 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2018.

**2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.**

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngân G.

Sửa Bản án sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngân G.

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 46, Điều 47; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngân G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Tham ô tài sản”. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (06-7-2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngân G cho Ủy ban Nhân dân phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Ngân G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Thị Ngân G cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên (theo quy định của Luật Thi hành án hình sự) thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo G phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

**3. Về án phí hình sự phúc thẩm:** Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngân G không phải chịu.

Bị cáo Hà Ngọc L phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- UBND phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Thịnh**